

05.01.2026

MARKET INSIGHTS REPORT

KHỞI ĐẦU 2026 NHƯNG CÂU CHUYỆN CŨ VẪN LẶP LẠI

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	370
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	95
Số cổ phiếu giảm giá	223
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	52

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	204
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	55
Số cổ phiếu giảm giá	81
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	68

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	341
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	114
Số cổ phiếu giảm giá	134
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	93

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	66,432.35	89,498.16	(23,065.81)
% KL toàn thị trường	7.63%	10.28%	
Giá trị	2,566,917	3,299,880	(732,962)
% GT toàn thị trường	9.91%	12.74%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	3,312.48	3,627.81	(315.33)
% KL toàn thị trường	7.63%	10.28%	
Giá trị	89,983	91,358	(1,375)
% GT toàn thị trường	5.48%	5.57%	

UPCOM

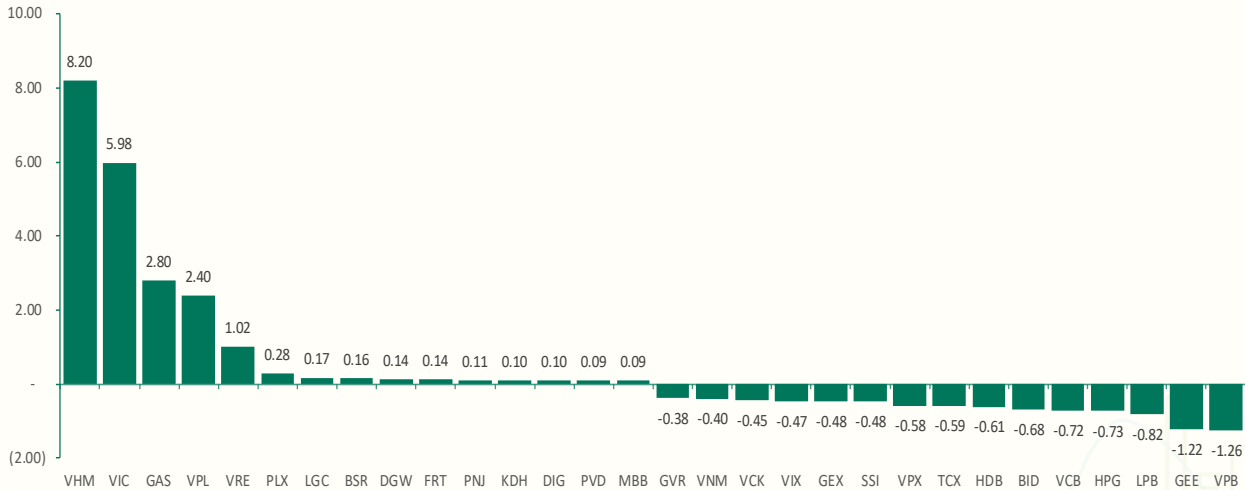
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	174.37	563.50	(389.13)
% KL toàn thị trường	0.45%	1.45%	
Giá trị	4,141	14,038	(9,897)
% GT toàn thị trường	0.92%	3.12%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	6,644,800	173,100	3,500 (2.06%)	74.13	4.15	2,335	1,338,667
2	VHM	10,136,200	132,600	8,600 (6.94%)	21.19	2.32	6,259	544,643
3	VCB	3,591,800	57,100	-400 (-0.7%)	11.40	2.14	5,008	477,109
4	BID	3,885,400	38,450	-450 (-1.16%)	9.88	1.61	3,890	269,971
5	TCB	8,187,500	34,950	50 (0.14%)	11.23	1.38	3,113	247,664
6	MCH	458,700	221,200	-800 (-0.36%)	28.11	14.02	7,870	233,743
7	VPB	16,194,100	27,900	-750 (-2.62%)	10.72	1.39	2,603	221,356
8	MBB	36,858,500	25,350	50 (0.2%)	6.26	1.53	4,051	204,194
9	HPG	46,487,900	25,950	-450 (-1.7%)	12.03	1.56	2,157	199,178
10	CTG	10,427,300	35,500	-250 (-0.7%)	5.72	1.12	6,207	190,635

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (Đ)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	+0.25%	+0.25%	1,589
▼ Tài chính	-1.38%	-1.38%	107
> Tổ chức tín dụng	-1.00%	-1.01%	29
> Dịch vụ tài chính	-3.31%	-3.31%	65
> Bảo hiểm	+0.16%	+0.16%	13
► Bất động sản	+2.61%	+2.61%	132
▼ Công nghiệp	-0.97%	-0.97%	397
> Vận tải	-0.00%	-0.06%	117
> Hàng hóa công nghiệp	-2.66%	-2.66%	226
> Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	+0.03%	+0.03%	54
▼ Tiêu dùng thiết yếu	-0.62%	-0.62%	168
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.62%	-0.62%	155
> Thương mại hàng thiết yếu	-0.36%	-0.36%	9
> Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	-0.80%	-0.80%	4
► Nguyên vật liệu	-0.98%	-0.98%	281
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	+2.12%	+2.12%	183
> Thương mại hàng không thiết yếu	-0.09%	-0.09%	63
> Dịch vụ tiêu dùng	+5.75%	+5.75%	36
> Thời trang và hàng lâu bền	-0.28%	-0.28%	71
> Xe và linh kiện	+0.10%	+0.10%	13
► Tiện ích	+2.35%	+2.35%	153
▼ Dịch vụ truyền thông	+1.11%	+1.11%	41
> Dịch vụ viễn thông	+1.22%	+1.22%	18
> Truyền thông và giải trí	-0.61%	-0.62%	23
► Năng lượng	+1.88%	+1.88%	53
▼ Công nghệ thông tin	-0.93%	-0.93%	16
> Phần mềm và dịch vụ	-0.88%	-0.88%	9
> Phần cứng và thiết bị	-3.18%	-3.18%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	-0.82%	-0.82%	96
> Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	-0.68%	-0.68%	47
> Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-2.94%	-2.92%	11

Khởi đầu 2026 nhưng câu chuyện cũ vẫn lặp lại

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 3.91 điểm (+ 0.22%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Dịch vụ tiêu dùng, bất động sản, tiện ích, năng lượng, dịch vụ viễn thông, bảo hiểm, dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như VPL, VIC, VHM, VRE, KDH, DIG, NLG, GAS, BSR, PLX, PVD, OIL, PVS, VGI, BVH, PVI, TLG... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VHM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra và giá bám biên dải băng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ VHM vận động trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 140 – 170;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(ii) GAS tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên đang mở ra hỗ trợ giá lên;
- ✓ GAS đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 85 – 90;
- ✓ GAS đang làm việc với các cơ quan chức năng để không bị hủy niêm yết do các quy định mới bao gồm cả việc có thể thoái bớt vốn giảm tỷ lệ nắm giữ của NN;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(iii) DIG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình hai đáy với phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều – Tín hiệu quan sát;
- ✓ Khả năng DIG sẽ có nhịp hồi về kháng cự 18.5 là tương đối cao với mô hình giao dịch hiện tại;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(iv) PVS tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Small White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;

- ✓ Dải băng trên mở ra và giá bám biên dải băng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ PVS đang thiết lập sóng 5 tăng giá với mục tiêu 40 – 48;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(v) TLG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Kháng cự hiện tại là 52 – TLG vẫn đang quá trình điều chỉnh tạo ABC sau chuỗi tăng giá mạnh khi thông tin đối tác Nhật chào mua công khai cổ phiếu;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 61%;

(2) Dịch vụ tài chính, hàng hóa công nghiệp, tổ chức tín dụng, nguyên vật liệu, phần mềm dịch vụ, thực phẩm đồ uống và thuốc lá... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như TCX, VCK, SSI, VIX, VCI, HCM, VND, GEE, GEX, VGC, VCG, CTD, VCB, BID, CTG, LPB, STB, SHB, HDB, MCH, VNM, MSN ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VIX giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VIX thiết lập đáy mới – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Chúng tôi từng chia sẻ lo lắng rằng rất khó đoán đáy của VIX ở sườn giao dịch bên phải – Khả năng điểm dừng tiếp theo có thể quanh vùng giá 18 – 21;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 61%;

(ii) GEX giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Tương tự như VIX, rất khó đoán đáy của GEX ở sườn giao dịch bên phải – Chúng tôi cho rằng điểm dừng tiếp theo có thể quanh vùng giá 30 – 36;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 54%;

(iii) MSN giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Small Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ MSN có vẻ đi vào pha đi ngang quanh 72 -78;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Điểm yếu của thị trường vẫn là độ rộng không phải điểm số

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Small White Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và vượt mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch tăng là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tích cực. Tuy nhiên, nay cơ bản là ngày độ rộng thị trường nghiêng về xu hướng giảm.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 747 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: STB, VRE, GAS, FUEVFNVD, PVD, SSI, DGW, PDR, MSN, PLX ... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VIC, VIX, FPT, SHB, HDB, HPG, MCH, VPB, GEX, TCH...Hôm nay, tự doanh, tổ chức trong nước là nhóm mua ròng còn cá nhân trong nước, cá nhân trong nước và tổ chức trong nước bán ròng.

(ii) VN-Index tiếp tục tăng điểm nhờ nhóm VINCOM và dầu khí. Đây là điểm sáng hiếm hoi của thị trường trong bối cảnh hầu như các cổ phiếu khác kết thúc trong sắc đỏ đặc biệt là các nhóm có tính đầu cơ cao như chứng khoán...Thanh khoản đã tăng trong phiên giao dịch ngày hôm nay cho thấy vòng quay giao dịch có thể tăng lên khi bắt đầu chu kỳ năm mới. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, việc độ rộng thị trường không khởi sắc sẽ vẫn là một vấn đề với VNĐT. Giao dịch tập trung một số đang có xu hướng cao và nếu lựa chọn sai cổ phiếu về cơ bản khả năng thua lỗ sẽ xuất hiện cao hơn. Thông thường điều này cần chờ thêm thời gian để thấy sự biến chuyển: Hoặc thị trường sẽ kết thúc xu hướng này với cú giảm điểm hoặc các nhóm đang giảm dần phải xuất hiện cầu mới đủ mạnh để ngăn chặn đà giảm có xu hướng bào mòn như hiện tại nhưng ít nhiều sự bứt phá trong 1 tháng qua của nhóm dầu khí cũng tạo sự hào hứng đôi chút với NĐT.

Các cổ phiếu có lệnh mua/bán lớn: VPB, MBB, SHSH, VHM, HDB, CII, HPG, VIX, ACB, HAG....

Các cổ phiếu mua tích lũy: TV2, CTR, CMG, GVR, SZC, SCS, PVT, SSB...

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 08 mã cho tín hiệu mua, 11 mã cho tín hiệu bán, 12 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã VRE, VIC, PLX, BVH, MBB, TCB, GAS, VHM...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 50% và 53% giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch không rõ tăng hay giảm điểm với giá đóng thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 3. Hỗ trợ và kháng cự là 1,650 - 1,800 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu VHM



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	533.12	534.59	531.65	NO	539.4	548.62	554.9	564.12	523.9	517.62	508.4	502.12
HNXINDEX	247.94	248.54	247.34	NO	250.13	253.51	255.7	259.08	244.56	242.37	238.99	236.8
UPINDEX	120.74	120.81	120.68	YES	121.21	121.8	122.27	122.86	120.15	119.68	119.09	118.62
VN30	2025.27	2023.56	2026.98	YES	2042.87	2057.06	2074.66	2088.85	2011.08	1993.48	1979.29	1961.69
VNINDEX	1787	1786.29	1787.7	YES	1798.8	1809.21	1821.01	1831.42	1776.59	1764.79	1754.38	1742.58
VNXALL	2972.24	2972.58	2971.9	YES	2997.25	3022.93	3047.94	3073.62	2946.56	2921.55	2895.87	2870.86
VN30FIM	2021.13	2019.65	2022.62	YES	2039.07	2054.03	2071.97	2086.93	2006.17	1988.23	1973.27	1955.33
VN30FIQ	2015.83	2016.65	2015.02	YES	2026.67	2039.13	2049.97	2062.43	2003.37	1992.53	1980.07	1969.23
VN30F2M	2019.03	2018.5	2019.57	YES	2033.87	2047.63	2062.47	2076.23	2005.27	1990.43	1976.67	1961.83
VN30F2Q	2007.9	2006.55	2009.25	YES	2025.7	2040.8	2058.6	2073.7	1992.8	1975	1959.9	1942.1
BCM	61.07	61.05	61.08	YES	61.63	62.17	62.73	63.27	60.53	59.97	59.43	58.87
BID	38.42	38.4	38.43	YES	38.93	39.42	39.93	40.42	37.93	37.42	36.93	36.42
ACB	23.98	23.98	23.99	YES	24.12	24.23	24.37	24.48	23.87	23.73	23.62	23.48
BVH	57.5	57.6	57.4	NO	58.8	60.3	61.6	63.1	56	54.7	53.2	51.9
CTG	35.38	35.32	35.44	NO	36.22	36.93	37.77	38.48	34.67	33.83	33.12	32.28
GVR	25.9	25.98	25.82	NO	26.3	26.85	27.25	27.8	25.35	24.95	24.4	24
FPT	94.63	94.45	94.82	NO	96.07	97.13	98.57	99.63	93.57	92.13	91.07	89.63
GAS	75.87	75.1	76.63	NO	78.93	80.47	83.53	85.07	74.33	71.27	69.73	66.67
HDB	28.82	28.75	28.88	NO	29.63	30.32	31.13	31.82	28.13	27.32	26.63	25.82
HPG	26.07	26.13	26.01	NO	26.43	26.92	27.28	27.77	25.58	25.22	24.73	24.37
LPB	40.9	41.1	40.7	NO	41.9	43.3	44.3	45.7	39.5	38.5	37.1	36.1
MBB	25.03	24.88	25.19	NO	26.07	26.78	27.82	28.53	24.32	23.28	22.57	21.53
MSN	76.27	76	76.53	NO	77.53	78.27	79.53	80.27	75.53	74.27	73.53	72.27
MWG	87.13	87	87.27	NO	88.47	89.53	90.87	91.93	86.07	84.73	83.67	82.33
PLX	36.22	36.17	36.26	NO	37.08	37.87	38.73	39.52	35.43	34.57	33.78	32.92
SAB	48.45	48.63	48.28	NO	48.85	49.6	50	50.75	47.7	47.3	46.55	46.15
SHB	16.13	16.15	16.12	NO	16.37	16.63	16.87	17.13	15.87	15.63	15.37	15.13
SSB	17.22	17.22	17.21	YES	17.38	17.57	17.73	17.92	17.03	16.87	16.68	16.52
STB	57.4	57.15	57.65	NO	58.8	59.7	61.1	62	56.5	55.1	54.2	52.8
SSI	29.45	29.6	29.3	NO	30.1	31.05	31.7	32.65	28.5	27.85	26.9	26.25
TCB	34.57	34.38	34.76	NO	35.33	35.72	36.48	36.87	34.18	33.42	33.03	32.27
TPB	16.78	16.88	16.69	NO	17.02	17.43	17.67	18.08	16.37	16.13	15.72	15.48
VCB	57.23	57.3	57.17	NO	57.47	57.83	58.07	58.43	56.87	56.63	56.27	56.03
VHM	130.13	128.9	131.37	NO	135.07	137.53	142.47	144.93	127.67	122.73	120.27	115.33
VIB	17.72	17.72	17.71	YES	17.88	18.07	18.23	18.42	17.53	17.37	17.18	17.02
VJC	206.9	206.6	207.2	NO	210.1	212.7	215.9	218.5	204.3	201.1	198.5	195.3
VIC	171.47	170.65	172.28	NO	176.13	179.17	183.83	186.87	168.43	163.77	160.73	156.07
VRE	35.08	34.82	35.34	NO	36.37	37.13	38.42	39.18	34.32	33.03	32.27	30.98
VPB	28.08	28.17	27.99	NO	28.62	29.33	29.87	30.58	27.37	26.83	26.12	25.58
VNM	60.6	60.75	60.45	NO	61.2	62.1	62.7	63.6	59.7	59.1	58.2	57.6

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
VIX	81,265,400	32,728,180	248	-6.67
PVS	12,214,000	5,966,940	205	3.5
HNG	10,636,200	2,783,180	382	6.67
KDH	6,288,800	2,988,880	210.41	1.27
PLX	6,072,100	2,027,230	300	2.83
GAS	5,364,200	2,096,660	256	6.91
NTL	4,774,300	1,261,090	378.59	5.18
DPM	4,704,800	1,976,780	238	1.12
DGW	4,123,800	1,166,240	354	6.92
OIL	4,037,900	1,265,160	319.16	3.7
PVC	3,361,700	986,460	341	2.65
HHS	2,850,800	1,248,600	228	-5.6
DCM	2,369,000	1,136,100	209	1.99
ANV	1,864,500	859,510	217	-1.36
CTS	1,610,500	663,370	242.78	-6.94
CTP	1,333,100	235,020	567	-9.09
DST	998,200	18,240	5,473	0
VOS	983,400	476,510	206	1.21
PBC	917,000	389,390	236	0
DSE	876,900	426,760	205.48	-6.32
DPR	820,600	293,350	280	-3.29
SMC	785,400	160,020	491	6.46
REE	744,300	287,980	258	-0.33
PHR	664,000	323,000	206	-2.91
FRT	615,800	294,240	209.28	2.41
PVP	513,900	68,430	751	-0.36
DC4	512,700	244,900	209	-0.96
HSV	489,600	10,370	4,721	-2.22
HNH	429,400	212,710	202	0
VCC	421,500	7,750	5,439	-8.08
QTP	410,000	148,630	276	-0.8
HLD	395,300	73,040	541	7.36
LIG	324,100	138,790	234	-2.44
VHG	307,400	133,120	231	0
DXP	299,800	98,620	304	-1.83
NSH	298,600	28,550	1,046	8.89
PTB	291,700	92,720	315	0
NHA	253,700	119,970	211	-2.84
PVG	240,300	36,670	655	1.61
DSH	222,300	4,050	5,489	4.69

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: VIX, PVS...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
29-Dec	PVS	Mua	≤ 36	10% -20%	Nên mua khi điều chỉnh/ Sóng 5 tăng giá đang hình thành

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 31/12, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.121 VND/USD, giảm nhẹ tiếp 03 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.915 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.327 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.295 VND/USD, tăng mạnh 27 đồng so với phiên 30/12. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 30 đồng ở chiều mua vào và 20 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 26.750 VND/USD và 26.820 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 31/12, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 6,90 đpt ở kỳ hạn ON và 0,09 đpt ở kỳ hạn 1W trong khi đi ngang ở kỳ hạn 2W và giảm 0,08 đpt ở kỳ hạn 1M so với phiên trước đó, giao dịch tại: ON 8,70%; 1W 9,10%; 2W 9,20% và 1M 8,10%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn ON trong khi giảm 0,01 đpt ở các 1W và 2W, giữ nguyên ở kỳ hạn 1M; giao dịch tại: ON 3,69%; 1W 3,77%; 2W 3,79%, 1M 3,86%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp không thay đổi ở các kỳ hạn 3Y và 7Y trong khi tăng ở các kỳ hạn còn lại, chốt phiên với mức: 3Y 3,03%; 5Y 3,25%; 7Y 3,50%; 10Y 4,04%; 15Y 4,11%.
- Nghịệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, phiên 31/12, NHNN chào thầu 22.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 7 ngày, 2.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 3.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày và 6.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,5%. Có 18.774,97 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, 610,14 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 2.446,42 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày, 4.519,74 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày. Có 4.999,65 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, hôm qua, NHNN bơm ròng 21.351,62 tỷ đồng ra thị trường. Có 409.095,31 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

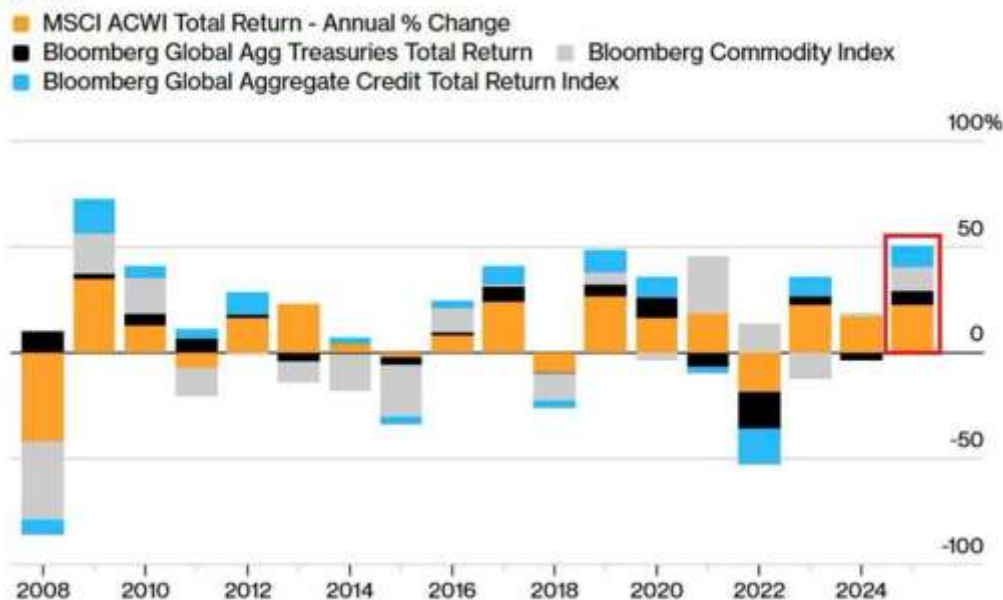
BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Các chủ sở hữu tài sản đang thắng thế trong năm 2025

Tổng tài sản toàn cầu đã ghi nhận mức kỷ lục trong năm 2025: Thị trường chứng khoán toàn cầu, hàng hóa, trái phiếu chính phủ và tín dụng đã ghi nhận mức lợi nhuận kết hợp +50,7% trong năm 2025, mức cao nhất kể từ năm 2009. Điều này diễn ra trong bối cảnh chỉ số MSCI All-Country World Index (ACWI) đạt mức tăng trưởng +22,3%, năm tốt nhất kể từ năm 2019. Tiếp theo đó là mức tăng +11,1% của Chỉ số Hàng hóa Bloomberg, mức tăng mạnh nhất kể từ đợt tăng +27,1% vào năm 2021. Hơn nữa, chỉ số Bloomberg Global Aggregate Credit Total Return Index tăng +10,5% trong khi chỉ số Bloomberg Global Agg Treasuries Total Return Index tăng +6,8%. Đây là năm đầu tiên kể từ năm 2019 mà thị trường chứng khoán, trái phiếu, tín dụng và hàng hóa toàn cầu đều kết thúc năm với kết quả tích cực.

2025 Delivers an Everything Rally

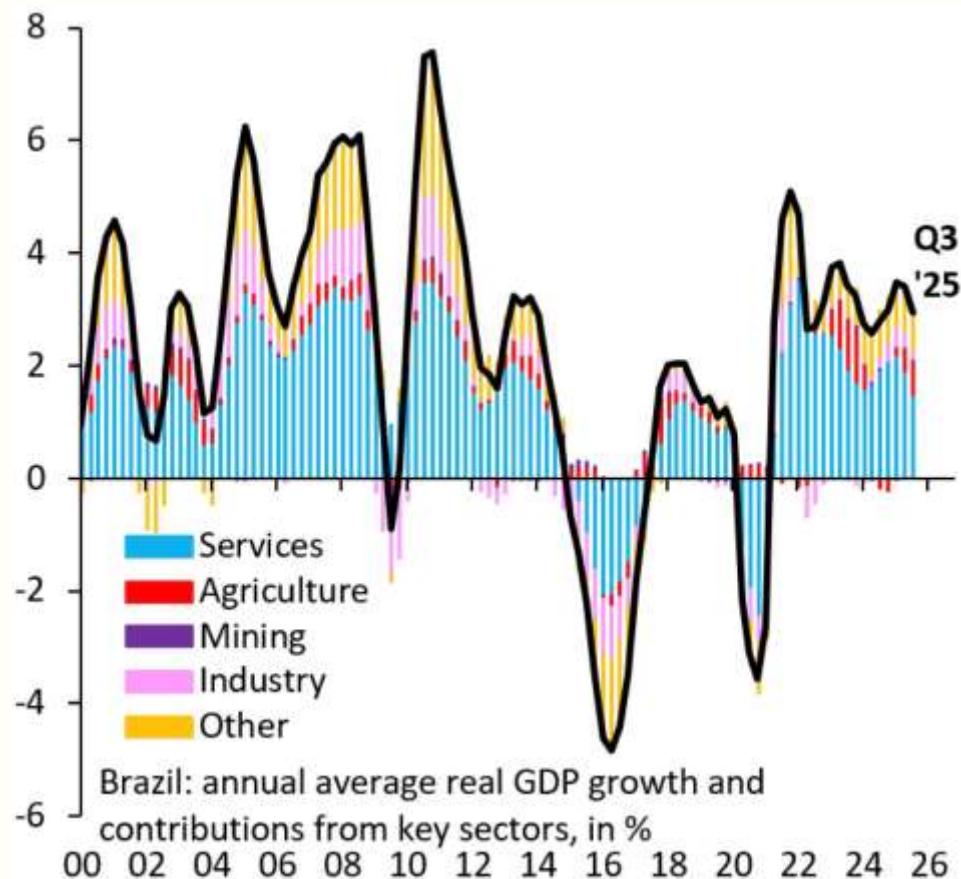
Global stocks, bonds, credit and commodities staged rare concerted gains



Source: Bloomberg, MSCI

Brazil đang là điểm sáng của Mỹ La Tinh

Tăng trưởng ở phần lớn các nước Mỹ Latinh đang trì trệ, bao gồm cả Argentina và Mexico. Nhưng Brazil thì không, quốc gia này đã thoát khỏi tình trạng trì trệ tăng trưởng giai đoạn 2014-2020 và hiện đã trở lại trạng thái cân bằng tăng trưởng cao trước đây. Tình trạng trì trệ không phải là điều không thể tránh khỏi ở Mỹ Latinh...



TTCK MỸ

Bắt đầu năm mới thường tích cực

OKLO thiết lập mẫu hình Bullish Falling Wedge – Tín hiệu tích cực



ONDAS đang thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tích cực



TESLA sẽ tìm được hỗ trợ tại kênh tăng giá như hình ?



Khởi đầu năm mới sẽ sôi sục với các chỉ số chứng khoán Mỹ ?



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

